V-E TRASLATION-DỊCH VIỆT ANH

No	Vietnamese	English
1	Bây giờ mẹ tôi đang uống cà phê.	*My mother is drinking coffee now.*
2	Những bạn trai đang không chơi bóng đá vào lúc này.	
3	Cô ấy đang không nghe nhạc. Cô ấy đang làm bài tập về nhà.	
4	Bố bạn đang làm gì vậy? Ông ấy đang xem tivi	*What is your father doing?* *He's watching TV.*
5	Những đứa trẻ đang chơi ở công viên.	
6	Anh ấy đang nghe nhạc phải không? Không. Anh ấy đang đọc báo.	
7	Bây giờ trời đang mưa.	
8	Bây giờ mẹ tôi đang nấu ăn trong bếp.	
9	Nhìn này! Em bé đang ngủ trên giường.	
10	Nghe này, những những chú chim đang hót (sing: hát, hót)	
11	Bạn đang ăn táo phải không? Đúng vậy.	
12	Em trai bạn đang làm gì vậy? Nó đang chơi đá bóng trong vườn.	

LIVEWORKSHEETS

13	Nhìn kìa, con khỉ đang đi xe đạp.	
14	Peter đang không làm bài tập. Anh ấy đang đọc báo.	
15	Trong lúc này Mary và Linda đang nói chuyện điện thoại.	
16	Họ đang không ăn tối ở nhà. Họ đang ăn tối ở nhà hàng.	
17	Họ đang làm gì vậy? Họ đang học tiếng anh.	
18	Mary đang làm gì vậy? Cô ấy đang đánh răng trong phòng tắm.	
19	Lucy đang ngủ phải không? Không, cô ấy đang đi siêu thị.	Is Lucy sleeping? No, she isn't. She is going to the supermarket.
20	Bố đang đọc báo phải không? Đúng vậy.	
21	Ông tôi đang không tưới hoa. Ông đang cho mèo ăn.	
22	Bà bạn đang làm gì vậy? Bà đang nấu ăn.	

LIVEWORKSHEETS